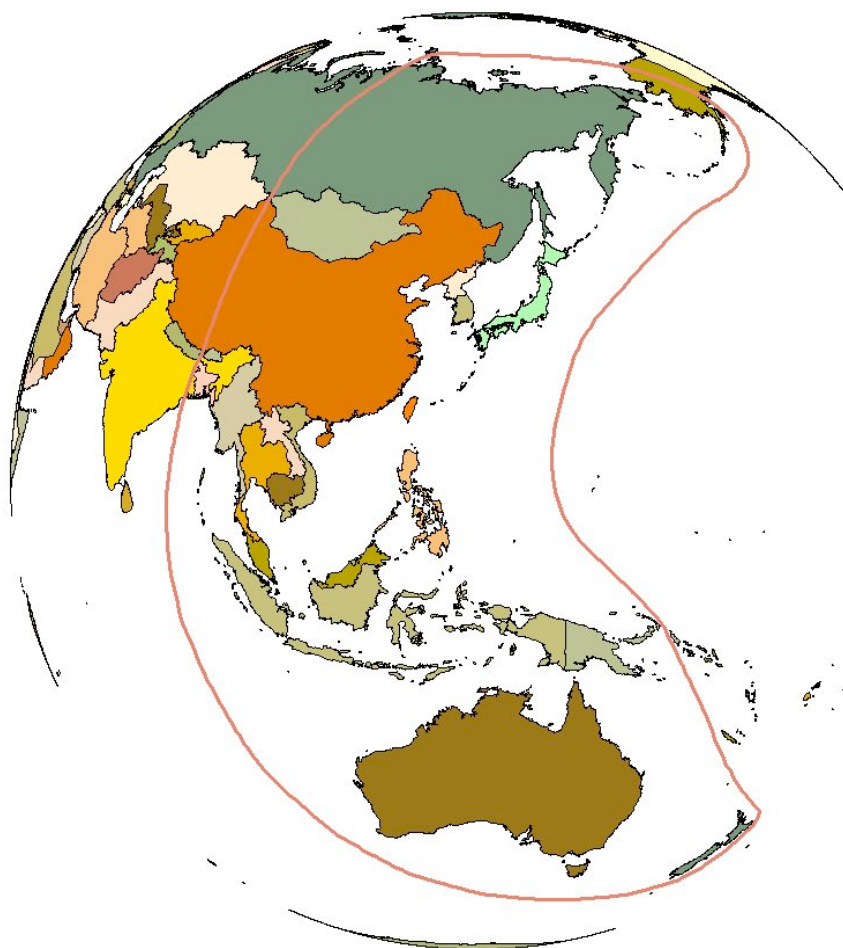


Chiến lược Thực hiện đối với Chương trình Hợp tác Đường bay Đông Á – Úc, giai đoạn 2007 – 2011



Tài liệu này trích dẫn trực tiếp từ Tài liệu của Chương trình Hợp tác và đưa ra khung hướng dẫn thực hiện Chương trình Hợp tác đối với Đường bay Đông Á – Úc.

Tài liệu này được xây dựng từ bản dự thảo do Nhóm Công tác của Chương trình Hợp tác chuẩn bị theo tinh thần thảo luận tại cuộc họp lần thứ nhất giữa các Đối tác tổ chức tại Bogor, In-đô-nê-xia.

1. GIỚI THIỆU

Hàng năm có hơn 50 triệu chim nước di cư qua khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Úc. Trong quá trình di cư, các loài chim này dựa vào các vùng đất ngập nước dồi dào nguồn lợi để nghỉ ngơi và kiếm ăn, lấy sức cho chặng bay tiếp theo. Do đó, sự hợp tác quốc tế đối với các chặng bay di cư của các loài chim này có vai trò quan trọng đối nhằm bảo tồn và bảo vệ các loài chim nước di cư cũng như nơi cư trú của chúng.

Khu vực mà các loài chim nước này di cư gọi là Đường bay Đông Á – Úc (đường bay). Đường bay này bao gồm 22 quốc gia, kéo dài từ miền Viễn đông nước Nga và Alaska xuống phía nam, qua phía đông và đông - nam của Châu Á, tới Úc và Niu-di-lân (Hình 1).

Tại Hội nghị Thượng đỉnh về Phát triển Bền vững (WSSD) năm 2002 tại Johannesburg, các quốc gia Nhật bản và Úc đã cùng Tổ chức Đất ngập nước Quốc tế đề nghị thành công hình thức Đối tác loại II về bảo tồn và sử dụng bền vững các khu vực quan trọng trên thế giới đối với các loài chim nước di cư ở Đông Á, Đông Nam Á, và Úc.

Hình thức Đối tác này được xây dựng dựa trên những thành tựu của Ủy ban bảo tồn các loài chim nước di cư châu Á – Thái Bình dương, Chiến lược bảo tồn các loài chim nước di cư châu Á – Thái Bình dương và các bản Kế hoạch hành động của Chiến lược này đối với phân họ vịt (Anatidae), sếu và các loài chim gần bờ. Trong giai đoạn từ 1996 – 2006, bản Chiến lược và các Kế hoạch Hành động đã nâng cao và hướng dẫn cho các hoạt động hợp tác, điều phối quốc tế nhằm bảo tồn và bảo vệ các nơi cư trú quan trọng trên thế giới cho các loài chim nước di cư.

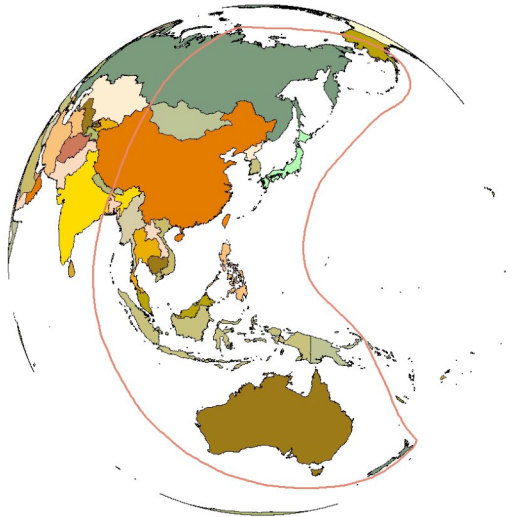
Các thành tựu thu được từ Chiến lược này và các Kế hoạch Hành động bao gồm việc xác định hơn 700 địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với chim nước di cư trên Đường bay và việc thành lập Mạng lưới các địa điểm đối với họ vịt, sếu và các loài chim gần bờ. Kết quả của các hoạt động đã được thực hiện bao gồm: nâng cao kiến thức về chim nước di cư, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của các loài chim này và xây dựng năng lực cho các nhà quản lý nhằm duy trì các địa điểm quan trọng đối với các loài chim nước di cư qua Đường bay. Các hoạt động này đã thể hiện sự tiến bộ trong công tác quản lý các địa điểm của Mạng lưới.

Mặc dù vậy, các loài chim nước và các nơi cư trú trên đất liền và ven biển của chúng hiện đang chịu áp lực ngày càng cao từ tăng dân số và phát triển kinh tế, nhất là ở Đông và Đông Nam Á. Những áp lực này gây ra tác động đối với các loài chim nước cư trú tại các quốc gia này khi không phải mùa sinh đẻ, cũng như đối với các loài chim nước sử dụng phần trung tâm của Đường bay trong quá trình di cư. Các Đối tác của Chương trình Hợp tác cũng nhận thấy tầm quan trọng của phát triển kinh tế đối với các cộng đồng ở các điểm/vùng quan trọng đối với các loài chim nước di cư, và đảm bảo tính sẵn sàng cũng như chất lượng của nơi cư trú cần thiết đối với việc duy trì các quần thể chim nước di cư.

Chương trình Hợp tác này cũng nhận thấy rằng xây dựng và phát triển một mạng lưới các địa điểm cho các loài chim nước di cư, và nâng cao năng lực ở cấp địa phương nhằm đảm bảo việc cung cấp bền vững các dịch vụ sinh thái sẽ nâng cao hiện trạng bảo tồn các nhóm chim nước di cư. Chương trình Hợp tác đồng thời cũng nhận thấy rằng một phương pháp tiếp cận rộng về đường bay đối với bảo tồn các loài chim nước di cư là biện pháp hữu hiệu nhất nhằm nâng cao hiện trạng bảo tồn.

Hoạt động của Chương trình Hợp tác hướng tới tất cả các quần thể chim nước di cư Thuộc Đường bay Đông Á – Úc (Bảng 1).

Hình 1 Bản đồ Đường bay Đông Á - Úc



Bảng 1 Các nhóm phân loại chim nước di cư trên Đường bay Đông Á – Úc

Nhóm Phân loại	Tên tiếng Anh
Gaviidae	Divers/Loons (Chim lặn)
Podicipedidae	Grebes (Chim lặn)
Phalacrocoracidae	Cormorants (Chim cốc)
Procellariidae	Shearwaters (Hải âu)
Oceanitidae	Storm Petrels (Chim báo bão)
Pelecanidae	Pelicans (Bồ nông)
Ardeidae	Herons, Egrets and Bitterns (Diệc và Diệc bạch)
Ciconiidae	Storks (Cò)
Threskiornithidae	Ibises (Cò quăm) and Spoonbills (Cò thìa)
Anatidae	Swans (Thiên nga), Geese (Ngỗng) và Ducks (Vịt)
Gruidae	Cranes (Sếu)
Rallidae	Rails (Gà nước), Gallinules (gà nước) và Coots (Sâm cầm)
Heliornithidae	Finfoots (Chim chân vây)
Jacaniidae	Jacanas (Gà lôi nước)
Haematopodidae	Oystercatcher (Chim săn hàu)
Recurvirostridae	Stilts (Chim cà kheo), và Avocet (Chim mỏ cứng)
Glareolidae	Pratincoles (Chim dô nách)
Charadriidae	Plovers (Chim chơi chơi)
Scolopacidae	Sandpipers (Rẽ)
Laridae	Gulls (Mòng biển), Terns (Nhạn biển) và Skimmers (Nhạn biển)
Stercorariidae	Auks (Chim anca)
Alcidae	Skuas (Chim cướp biển)

2. CÁC KẾT QUẢ CỦA CHIẾN LƯỢC

2.1 Mục đích và Mục tiêu

Các Đối tác đầu tiên đã thống nhất mục đích và mục tiêu dưới đây của Chương trình Hợp tác:

Mục đích: Các loài chim nước di cư và nơi cư trú của chúng trên đường bay Đông Á – Úc được công nhận và bảo tồn nhằm phục vụ cho lợi ích của con người và đa dạng sinh học.

Mục tiêu:

1. Hình thành Mạng lưới Đường bay bao gồm các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với việc bảo tồn các loài chim nước di cư, dựa trên các thành công thu được từ các mạng lưới APMWCS.
2. Tăng cường thông tin liên lạc, nâng cao giáo dục và nhận thức của công chúng về giá trị của các loài chim nước di cư và nơi cư trú của chúng.
3. Tăng cường các hoạt động giám sát và nghiên cứu về đường bay, xây dựng kiến thức và tăng cường trao đổi thông tin về các loài chim nước và nơi cư trú của chúng.
4. Xây dựng năng lực quản lý các loài chim nước và nơi cư trú của chúng cho các nhà quản lý nguồn lợi tự nhiên, các nhà hoạch định chính sách và các đối tượng liên quan ở địa phương.
5. Phát triển các phương pháp tiếp cận rộng về đường bay, đặc biệt là đối với các loài và nơi cư trú được ưu tiên, nhằm nâng cao hiện trạng bảo tồn đối với các loài chim nước di cư.

Nhóm Công tác của Chương trình Hợp tác được thành lập tại cuộc họp lần thứ nhất của các Đối tác tiềm năng đã xác định 13 kết quả chính cần đạt được tính đến cuối năm 2011 (xem thông tin dưới đây).

3. HÌNH THÀNH VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

3.1 Thành viên của Chương trình Hợp tác

Chương trình Hợp tác nhằm xây dựng mạng lưới rộng lớn các thành viên bao gồm các Quốc gia, các Tổ chức Phi Chính phủ quốc tế, các Tổ chức Liên Chính phủ và các doanh nghiệp quốc tế. Các Đối tác khuyến khích tất cả các Chính phủ/Quốc gia và các tổ chức khác tham gia ở cấp độ Đường bay nhằm bảo tồn các loài chim nước di cư và sử dụng bền vững các nơi cư trú của chúng ra nhập Chương trình Hợp tác.

Chương trình Hợp tác là thỏa thuận hợp tác và không phải là một tổ chức có tính pháp lý. Các bên tham gia Chương trình Hợp tác thông qua việc ký vào một bản sao tài liệu của Chương trình Hợp tác.

3.2 Tài chính cho Chương trình Hợp tác

Các Đối tác được khuyến khích cung cấp các nguồn lực nhằm hỗ trợ các chương trình làm việc và các hoạt động hành chính của Chương trình Hợp tác. Các cuộc họp của Đối tác sẽ đánh giá sự cần thiết và các phương án gây quỹ nhằm:

- a) hỗ trợ các Đối tác thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác này; và
- b) các chi phí cần có đối với hoạt động của Ban Thư ký và các nhóm tư vấn được thành lập trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác này.

Vì Chương trình Hợp tác không phải là một cơ quan pháp lý nên việc cấp ngân sách sẽ cần phải được thực hiện trực tiếp thông qua các Đối tác.

3.3 Kế hoạch Hoạt động

Việc xây dựng các hoạt động nhằm đạt được các kết quả đã xác định trong bản Chiến lược này sẽ cần phải có sự hợp tác cao giữa các Đối tác. Một chương trình làm việc hàng năm sẽ được chuẩn bị tại mỗi buổi họp giữa các Đối tác và sẽ bao gồm các hoạt động do các Đối tác lập kế hoạch.

3.4 Hướng dẫn Xây dựng các Hoạt động của Dự án

Chương trình Hợp tác đã xây dựng hướng dẫn sau đây nhằm hỗ trợ các Đối tác trong việc hình thành các dự án chiến lược nhằm đạt được các kết quả vào năm 2011 như đã được xác định trong tài liệu này.

Mục tiêu 1: Hình thành Mạng lưới Đường bay bao gồm các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với việc bảo tồn các loài chim nước di cư, dựa trên các thành công thu được từ các mạng lưới APMWCS.

Kết quả 1: Mạng lưới các địa điểm trên đường bay được hình thành bao gồm ít nhất 200 địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với chim nước di cư

- 1.1. Chương trình Hợp tác được phát triển ở tất cả các nước trong phạm vi đường bay có các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với chim nước di cư.
- 1.2. Khi tìm kiếm đề cử cho Mạng lưới các địa điểm trên đường bay, ưu tiên các quốc gia có các Đối tác Chính phủ và đã đề cử một địa điểm, hoặc có tỷ lệ thấp (<10%) các địa điểm quan trọng tầm quốc tế được đưa vào mạng lưới thuộc đường bay.
- 1.3. Số lượng tương đối về các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế trong một quốc gia được sử dụng nhằm hướng dẫn đối với ưu tiên ở cấp Đường bay.
- 1.4. Chương trình Hợp tác quốc gia đưa ra các ưu tiên đối với việc đề cử trong phạm vi quốc gia mình.

Kết quả 2: *Các hoạt động quản lý tại các địa điểm giúp giảm bớt việc mất đa dạng sinh học hoặc tăng cường công tác bảo tồn đối với các loài liên quan*

Kết quả 3: *Mạng lưới các địa điểm trên đường bay thể hiện một sự lồng ghép hiệu quả giữa bảo tồn đa dạng sinh học đất ngập nước vào phát triển bền vững nhằm phục vụ lợi ích của các cộng đồng địa phương.*

- 3.1. Xây dựng và thực hiện các kế hoạch quản lý tại các địa điểm trên mạng lưới, với sự tham gia của các bên liên quan chính tại địa phương và của quốc gia nhằm nhận thấy sự cần thiết về mặt sinh học của các loài chim nước di cư, các yêu cầu kinh tế và xã hội đối với các cộng đồng phụ thuộc.
- 3.2. Các nhà quản lý của các địa điểm, các đối tác quốc gia và các cộng đồng địa phương được khuyến khích tham gia vào việc ra quyết định đối với các quá trình phát triển kinh tế và xã hội ảnh hưởng tới các địa điểm thuộc mạng lưới.
- 3.3. Thiết lập hợp tác với các dự án quốc tế khác liên quan đến quản lý nơi cư trú của các loài chim nước.
- 3.4. Các dự án mô hình được xây dựng với sự tham gia của tất cả các đối tác liên quan đến địa điểm và quốc gia.
- 3.5. Các dự án mô hình tại các địa điểm thuộc về mạng lưới hướng tới các quá trình bị đe dọa, các nhu cầu kinh tế và xã hội, và đóng góp vào sự kết hợp hiệu quả của bảo tồn đa dạng sinh học khu đất ngập nước với phát triển bền vững nhằm phục vụ lợi ích cho các cộng đồng địa phương.
- 3.6. Các hướng dẫn quản lý các địa điểm thuộc mạng lưới đường bay được các Đối tác Đường bay xây dựng, dựa trên các bản hướng dẫn hiện tại (như Hướng dẫn Ramsar đối với quản lý đất ngập nước).

Kết quả 4: *Các giá trị kinh tế, xã hội và sinh thái của các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với các loài chim nước di cư được công nhận trong các quá trình phát triển và đánh giá tác động.*

- 4.1. Kiến thức nâng cao về tầm quan trọng của các giá trị kinh tế, xã hội và sinh học của các địa điểm mang tầm quan trọng thế giới đối với chim nước di cư được công nhận trong các quá trình phát triển và đánh giá tác động (ví dụ như thông qua việc áp dụng tăng cường Ramsar và các hướng dẫn Đánh giá tác động môi trường dựa vào cộng đồng).
- 4.2. Có được các nghiên cứu điển hình về các quá trình phát triển và đánh giá tác động đối với các địa điểm thuộc mạng lưới.
- 4.3. Các Đối tác Quốc gia quyết định về các ưu tiên đối với các hoạt động dự án trong phạm vi quốc gia.

Mục tiêu 2: *Tăng cường tuyên truyền, nâng cao giáo dục và nhận thức của công chúng về giá trị của các loài chim nước di cư và nơi cư trú của chúng*

Kết quả 5: *Có được nhận thức cao về các giá trị kinh tế, xã hội và sinh học của các loài chim nước di cư cũng như các địa điểm thuộc mạng lưới.*

- 5.1. Một chương trình giáo dục và nhận thức cộng đồng về đường bay được xây dựng và cung cấp các hướng dẫn cho các hoạt động tuyên truyền và nâng cao nhận thức của Chương trình Hợp tác Đường bay.
- 5.2. Thực hiện rà soát về các nguồn lực cho tuyên truyền và nâng cao nhận thức.
- 5.3. Đối tác quốc gia được khuyến khích xây dựng các bản Kế hoạch CEPA hỗ trợ cho Kế hoạch CEPA của Chương trình hợp tác này.
- 5.4. Hàng loạt các hoạt động về nhận thức và tuyên truyền được thực hiện theo Kế hoạch nâng cao nhận thức công chúng và tăng cường tuyên truyền.

Kết quả 6: Có nhận thức rộng rãi về các hoạt động và các thành công của Chương trình Hợp tác Đường bay.

- 6.1 Các hoạt động nhằm phát triển Chương trình Hợp tác được thực hiện đồng nhất với Kế hoạch Nâng cao Nhận thức Công chúng và Thông tin Liên lạc.

Mục tiêu 3: Tăng cường các hoạt động giám sát và nghiên cứu về đường bay, xây dựng kiến thức và tăng cường trao đổi thông tin về các loài chim nước và nơi cư trú của chúng.

Kết quả 7: Có các thông tin khoa học hiệu quả về hiện trạng và các xu thế của các quần thể chim nước và nơi cư trú của chúng trên đường bay.

- 7.1 Thiết lập các chương trình giám sát chim nước trên đường bay gắn kết với các chương trình quốc gia và quốc tế hiện có.
- 7.2 Thiết lập các chương trình giám sát nơi cư trú của các loài chim nước tại các địa điểm và khu vực có tầm quan trọng quốc tế, gắn với các chương trình quốc gia và quốc tế hiện tại.
- 7.3 Có được thông tin cập nhật về hiện trạng và các mối nguy đối với các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế nói chung và các địa điểm thuộc về mạng lưới trên đường bay nói riêng.
- 7.4 Các bên Chương trình Hợp tác về tổng hợp các hoạt động giám sát chim nước hiện nay (bao gồm cả các yếu tố sinh học) và nâng cao các hoạt động nhằm hỗ trợ việc thu thập các số liệu khoa học đồng thời phân tích về hiện trạng và xu thế của các quần thể chim nước.
- 7.5 Các hoạt động giám sát kết hợp với các hoạt động về phát triển năng lực nhằm nâng cao các kỹ năng giám sát các loài chim nước.

Kết quả 8: Có các thông tin về các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với các loài chim nước di cư ở tất cả các nước trong phạm vi đường bay.

- 8.1 Chuẩn bị và xuất bản một báo cáo đánh giá thông tin về các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế của các loài chim nước di cư trên Đường bay.
- 8.2 Giải quyết lỗ hổng kiến thức về các địa điểm có tầm quan trọng quốc tế thông qua các hoạt động khảo sát.
- 8.3 Các Đối tác có được và chia sẻ các số liệu về những địa điểm có tầm quan trọng quốc tế.
- 8.4 Ưu tiên thực hiện khảo sát tại các khu vực mà đánh giá về lỗ hổng kiến thức chỉ ra những hạn chế về số liệu nhưng lại là những nơi cư trú có tiềm năng lớn.
- 8.5 Các hoạt động khảo sát kết hợp với phát triển năng lực nhằm nâng cao các kỹ năng khảo sát đối với các loài chim nước.

Kết quả 9: Đánh giá các nguy cơ đe dọa đối với các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế đối với chim nước di cư được đánh giá và đưa ra các đề xuất đối với hoạt động quản lý thích hợp.

- 9.1 Xây dựng các hướng dẫn về thực hiện đánh giá tác động và các mối đe dọa.
- 9.2 Thực hiện các rà soát về các mối nguy và nhu cầu quản lý tại các địa điểm thuộc mạng lưới đường bay và các vùng đất ngập nước khác có ý nghĩa quan trọng tầm quốc tế.
- 9.3 Xây dựng các hướng dẫn và kỹ thuật đối với việc giảm thiểu các tác động.
- 9.4 Các hoạt động kết hợp với các hợp phần phát triển năng lực phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng đánh giá mối nguy và lập kế hoạch phản hồi.
- 9.5 Sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ địa phương.

Kết quả 10: **Nâng cao kiến thức về sinh thái và các quy luật di cư của chim nước nhằm hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn.**

- 10.1 Thực hiện các dự án quốc tế về di cư đối với các loài ưu tiên.
- 10.2 Xây dựng các phương pháp đánh dấu chim nước di cư đối với các loài chim nước hay di cư nhất.
- 10.3 Có sự kết hợp cao giữa các đánh dấu chim/đeo vòng/tập hợp của các loài chim đối với các dự án đánh dấu chim nước di cư.
- 10.4 Có sự kết hợp cao giữa các báo cáo về băng màu và cờ đánh dấu.
- 10.5 Hoàn thiện và chia sẻ rộng rãi kết quả phân tích các số liệu về sự di cư của chim nước.
- 10.6 Các hoạt động kết hợp với tăng cường năng lực.

Kết quả 11: **Nâng cao kiến thức về vai trò tiềm năng của các loài chim nước di cư đối với sự truyền bệnh, nhất là bệnh cúm gia cầm.**

- 11.1 Nhóm công tác về dịch cúm gia cầm Châu Á – Thái Bình dương được (thành lập và) hỗ trợ.
- 11.2 Thực hiện các dự án nhằm nâng cao hiểu biết về vai trò tiềm năng của các loài chim nước đối với việc truyền dịch bệnh.
- 11.3 Ưu tiên cho các dự án liên quan đến các loài đã có liên quan đến sự lây lan của dịch bệnh.

Mục tiêu 4: *Xây dựng năng lực quản lý các loài chim nước và nơi cư trú của chúng cho các nhà quản lý nguồn lợi tự nhiên, các nhà hoạch định chính sách và các đối tượng liên quan ở địa phương.*

Kết quả 12: **Tăng cường sự hiểu biết về nhu cầu nâng cao năng lực của các bên liên quan để quản lý các địa điểm chim nước có tầm quan trọng quốc tế**

- 12.1 Thực hiện các đánh giá về nhu cầu năng lực phục vụ cho công tác quản lý và giám sát các địa điểm trên mạng lưới đường bay.
- 12.2 Thực hiện các đánh giá về nhu cầu đào tạo đối với các đối tượng chủ chốt nhằm phục vụ cho công tác quản lý và giám sát các địa điểm trên mạng lưới đường bay.
- 12.3 Ưu tiên cho các quốc gia đang phát triển.

Kết quả 13: **Các nhà quản lý nguồn lợi tự nhiên, các nhà hoạch định chính sách và các đối tượng địa phương liên quan tại các địa điểm có tầm quan trọng quốc tế có được kỹ năng và sự hỗ trợ nhằm giúp cho công tác quản lý bền vững nơi cư trú của các loài chim nước.**

- 13.1 Các chương trình tập huấn và xây dựng năng lực hướng tới nhu cầu tại các khu vực của các loài chim nước, quản lý các nơi cư trú, thông tin liên lạc và phát triển bền vững, giáo dục và nâng cao nhận thức công chúng.
- 13.2 Thiết lập các mạng lưới xây dựng năng lực cấp quốc gia nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý hiện đang được thực hiện đối với các loài chim nước di cư và nơi cư trú của chúng.
- 13.3 Ưu tiên cho các quốc gia đang phát triển có Đối tác Chính phủ, trong đó cần nhắc: (a) số lượng các địa điểm mang tầm quan trọng quốc tế tại từng quốc gia (b) hoàn thành đánh giá về nhu cầu đào tạo đối với các nhà quản lý đất ngập nước và các nhà hoạch định chính sách.

Mục tiêu 5: Phát triển các phương pháp tiếp cận về đường bay rộng, đặc biệt là đối với các loài và nơi cư trú được ưu tiên, nhằm nâng cao công tác bảo tồn đối với các loài chim nước di cư.

Kết quả 14: Các hoạt động hợp tác về đường bay đối với các loài chim nước và nơi cư trú của chúng nâng cao hiện trạng bảo vệ các loài ưu tiên.

- 14.1 Xây dựng các dự án hợp tác đối với các loài ưu tiên.
- 14.2 Ưu tiên hợp tác quốc tế và quản lý nơi cư trú đối với các loài chưa được bảo tồn hoặc các loài có tiềm năng, ví dụ như các loài chủ đạo.
- 14.3 Ưu tiên các dự án liên quan đến các quốc gia và hướng tới giải quyết các nguy cơ đe dọa chính đối với các loài chim nước di cư khác nhau.